

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 4 - 2022

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXX-ST ngày 14/3/2022 và Quyết định hoãn phiên số 88/2022/QĐST ngày 31/3/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Diệu H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Tạm trú: Ấp Ch, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D thể hiện:

Ông D và bà Trần Thị Diệu H chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 21/4/2020. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông làm ăn thua lỗ, gây nợ nần dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, bà H nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác Ông bà đã ly thân được 03 tháng và không liên lạc, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng bà H nên ông yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Thị Diệu H trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông D về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn. Đối với yêu cầu ly hôn của ông D, bà có ý kiến sau: Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D làm ăn thua lỗ và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà đã tha thứ và bỏ qua cho ông D nhiều lần nhưng ông D vẫn không thay đổi. Tuy nhiên, bà còn yêu thương ông D, muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân nên bà không đồng ý ly hôn. Trong thời gian ly thân 03 tháng, ông bà vẫn liên lạc, quan tâm, lo lắng cho nhau.

Mặt khác, nếu ông D kiên quyết ly hôn, bà sẽ đồng ý với điều kiện ông D phải trả cho bà số tiền 900.000.000 đồng. Việc bà cho ông D vay số tiền 900.000.000 đồng có làm giấy nợ nhưng ông D đã xé giấy, bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp liên quan đến số tiền này, bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn D nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà Trần Thị Diệu H có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà H tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Nam vào ngày 21/4/2020 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông D yêu cầu ly hôn vì ông làm ăn thua lỗ, gây nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ, ông không thể lo cho bà H một cuộc sống đầy đủ, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Bà H cũng thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn, ông D nợ nần và có quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác nhưng vì còn yêu thương ông D và vì ông D còn nợ bà số tiền 900.000.000 đồng nên bà không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, ông D và bà H đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không hòa giải được, vợ chồng nghi ngờ, không còn tin tưởng nhau, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Tại phiên tòa, ông D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, bà H cũng đồng ý

ly hôn nhưng với điều kiện ông D phải trả cho bà số tiền 900.000.000 đồng. Điều này, chứng tỏ bà H cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn D đối với bà Trần Thị Diệu H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Trần Thị Diệu H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009722 ngày 17/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Ông D đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện Đ *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho